TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ P** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NG VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:136/2020/HS-ST
Ngày 10 - 9 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NG VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thu Hiền

Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Mai Trương Huy
2. Bà Phạm Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 139/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thanh H, tên gọi khác: Na; sinh năm 1980 tại tỉnh Kiên Giang; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã Đ, huyện H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ văn hóa: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin Lành; quốc tịch: Việt Nam; cha: Nguyễn Văn Th, sinh năm 1951; mẹ: Lê Thị T, sinh năm 1956; vợ: Phạm Thị L, sinh năm 1977 và 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt: Ngày 20/5/2020 (Có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 13/01/2003 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; hộ khẩu thường trú: Khu phố Đ, phường X, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; cha: Nguyễn Văn H, sinh năm 1981; mẹ: Bùi Thị Hồng C, sinh năm 1984; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 20/5/2020 đến ngày 22/5/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn Đ: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1959 (Là ông ngoại của bị cáo)

Nơi cư trú: Khu phố Đ, phường X, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ: Ông Lê Viết Th – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

- Bị hại: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Khu phố A, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 17/05/2020, Nguyễn Thanh H rủ Nguyễn Văn Đ đi trộm cắp xe mô tô của công nhân Công ty A ở Khu Công nghiệp Cái Mép, thị xã P nơi H đang làm bảo vệ đem bán lấy tiền tiêu xài, Đ đồng ý. Đ dùng xe mô tô chở H đi đến Công ty A thì thấy đông người không trộm cắp được nên Đ rủ H đến quán Karaoke 52B thuộc khu phố P, phường M nơi Đ làm việc để trộm xe của thợ đang sửa chữa công trình, H đồng ý. Khi đến quán Karaoke 52B, Đ đứng ngoài cảnh giới, H đi bộ vào bên trong công trình thì phát hiện chiếc xe mô tô hiệu Dragon BKS 72F8 – 9509 có chìa khóa trên xe, chủ xe là bà Phạm Thị D là người trông coi công trình đang nằm ngủ trên ghế salon cạnh chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F5 màu trắng đang sạc pin. H lén lút lấy chiếc xe và chiếc điện thoại rồi ra ngoài điều khiển xe mô tô trộm cắp được về phòng trọ nói cho Ngô Hữu Ng là bạn chung phòng trọ biết xe và điện thoại vừa trộm được. Khoảng 30 phút sau, Đ chạy xe đến phòng trọ thì H và Đ thỏa thuận H giữ xe mô tô và chiếc điện thoại di động để sử dụng và sẽ đưa lại tiền cho Đ.

Sáng 18/5/2020, Ng được Đ cho biết quán Karaoke 52B có lắp camera và sự việc đã bị lộ nên nói H đem tài sản đi trả cho bà D. H tháo biển số xe cất giấu ở phòng trọ để tránh bị phát hiện và kiểm tra sau ốp lưng chiếc điện thoại Oppo F5 phát hiện có 105.000 đồng tiền mặt. H lấy tiền rồi đưa chiếc điện thoại cho Ng nói Ng đưa cho Đ để trả lại cho bà D.

Sau khi nhận điện thoại từ Ng thì Đ không đem trả cho bà D mà đem bán cho 01 người (chưa rõ nhân thân lai lịch) được 1 triệu đồng rồi tiêu xài cá nhân hết.

Sáng 19/05/2020, H dùng xe mô tô trộm cắp được đi làm, đến chiều về thì bị phát hiện đưa về Công an phường Phú Mỹ làm việc sau đó chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã P khởi tố điều tra theo quy định.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 93/KL-HĐ.ĐGTS ngày 21/05/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã P, kết luận: 01 xe mô tô BKS: 72F8 – 9509 nhãn hiệu Dragon, do Trung Quốc sản xuất được mua lại vào năm 2017 đã qua sử dụng tính đến ngày 17/05/2020 có giá trị là 4.300.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F5, mua mới năm 2018, đã qua sử dụng tính đến ngày 17/05/2020 có giá trị là 5.990.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Ngày 13/7/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã trả lại cho bà Phạm Thị D chiếc xe mô tô BKS 72F8 – 9509 theo Quyết định xử lý vật chứng số 91/QĐ.

Đối với chiếc điện thoại, do Đ bán cho 01 người không rõ lai lịch. Hiện nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Bà D khai số tiền để sau ốp lưng chiếc điện thoại bị mất trộm là 1.105.000 đồng. Tuy nhiên H khai chỉ có 105.000 đồng, nên không đủ cơ sở quy kết H phải chịu trách nhiệm về số tiền chênh lệch như khai báo của bà D.

Ông Huỳnh Văn T là ông ngoại của Nguyễn Văn Đ đã bồi thường cho bà Phạm Thị D số tiền 6.990.000 đồng. Bà D đã nhận đủ số tiền trên và không tiếp tục yêu cầu Nguyễn Văn Đ bồi thường.

Đối với đối tượng Ngô Hữu Ng: Kết quả điều tra xác định Ng không tham gia trộm cắp cùng với H và Đ. Sau khi biết xe và điện thoại là tài sản trộm cắp thì Ng có khuyên nhủ H, Đ trả lại tài sản cho người bị hại nên Cơ quan điều tra không khởi tố hành vi không tố giác người phạm tội, chứa chấp hay che giấu tài sản do phạm tội mà có đối với Ng là có căn cứ.

Tại bản cáo trạng số 149/CT-VKS ngày 07/8/2020; Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã truy tố Nguyễn Thanh H và Nguyễn Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm o Khoản 1 Điều 52; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt Nguyễn Thanh H mức án từ 9 tháng đến 12 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự để xử phạt Nguyễn Văn Đ mức án từ 5 tháng đến 07 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

Về xử lý vật chứng: Đã xong.

Quan điểm bào chữa của Luật sư Lê Viết Th đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ: Viện kiểm sát nhân dân thị xã P truy tố Nguyễn Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết sau: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên khả năng nhận thức về pháp luật còn hạn chế, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cãi, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 6.990.000 đồng, bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Mặt khác bị cáo có hoàn cảnh đáng thương, bố mẹ bị cáo ly hôn khi bị cáo còn nhỏ, bị cáo sống cùng với ông ngoại từ đó đến nay không được bố mẹ quan tâm, chăm sóc, giáo dục. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo gây ra.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ đồng ý với quan điểm bào chữa của Luật sư và không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P đối đáp với quan điểm bào chữa của Luật sư: Xem xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của Nguyễn Văn Đ và các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo thì Viện kiểm sát đề xuất mức án từ 5 tháng đến 7 tháng tù là phù hợp, không có căn cứ để cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Văn Đ khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến gì về bản luận tội của Kiểm sát viên;

Các bị cáo nói lời sau cùng xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng:

Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trong quá trình điều tra, truy tố; Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi cũng như quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

[2.1]. Về tội danh: Lời khai nhận tội tại phiên tòa của Nguyễn Thanh H và Nguyễn Văn Đ phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai của bị hại cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, từ đó đủ cơ sở kết luận:

Khoảng hơn 23 giờ ngày 17/05/2020, tại quán Karaoke 52B thuộc khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Nguyễn Thanh H và Nguyễn Văn Đ đã có hành vi trộm cắp của bà Phạm Thị D 01 xe mô tô hiệu Dragon BKS 72F8 – 9509 giá trị 4.300.000 đồng, 01 chiếc điện thoại di động Oppo F5 màu trắng giá trị 5.990.000 đồng và số tiền 105.000 đồng tiền mặt, tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp là 10.395.000 đồng.

Do đó, hành vi của Nguyễn Thanh H và Nguyễn Văn Đ thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[2.2] Về khung hình phạt: Tài sản các bị cáo chiếm đoạt trị giá 10.395.000 đồng. Do đó hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã P đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về vai trò và tính chất mức độ thực hiện hành vi của các bị cáo: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự câu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn không có tổ chức. Trong vụ án này Nguyễn Văn

Đ đã khởi xướng việc trộm cắp tài sản của bà D và đứng ngoài cảnh giới để Nguyễn Thanh H vào trực tiếp lấy trộm tài sản.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân:

[4.1]. Về tình tiết tăng nặng: Nguyễn Thanh H đã có hành vi xúi dục Nguyễn Văn Đ phạm tội khi Đ chưa đủ 18 tuổi do đó cần áp dụng điểm o Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để xem xét tăng nặng hình phạt.

Nguyễn Văn Đ không có tình tiết tăng nặng.

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ:

Đối với Nguyễn Thanh H: Quá trình điều tra cũng như tại tòa, H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do đó cần áp dụng điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với Nguyễn Văn Đ: Quá trình điều tra cũng như tại tòa, Đ đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 6.990.000 đồng, bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo do đó cần áp dụng điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4.3]. Về nhân thân: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[5]. Về mức hình phạt: Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương nên đối với các bị cáo cần có một hình phạt đủ nghiêm để giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo H đã trưởng thành, ý thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, ban đầu chính bị cáo H đề xuất việc đi tìm tài sản sơ hở để trộm cắp và lôi kéo Đ cùng tham gia do đó cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo Đ để răn đe giáo dục bị cáo đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

Đối với bị cáo Đ thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo mới 16 tuổi 7 tháng 26 ngày nên nhận thức về pháp luật còn bị hạn chế tuy nhiên đã khởi xướng việc trộm cắp tài sản của bà D và cảnh giới giúp sức tích cực cho H thực hiện hành vi phạm tội do đó cũng cần có mức hình phạt nghiêm để giáo dục bị cáo đồng thời phòng ngừa chung. Tuy nhiên như đã phân tích ở trên, Nguyễn Văn Đ có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, Nguyễn Văn Đ có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo có thời gian thử thách theo Điều 65 Bộ luật Hình sự cũng đủ giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bà Phạm Thị D đã nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô và đã được gia đình Đ bồi thường số tiền 6.990.000 đồng và không yêu cầu gì thêm đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đã xong.

[8]. Về án phí: Nguyễn Thanh H và Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Nguyễn Thanh H (Na) và Nguyễn Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm o Khoản 1 Điều 52; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Nguyễn Thanh H 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/5/2020.

2. Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Nguyễn Văn Đ 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 10/9/2020).

Giao Nguyễn Văn Đ cho Ủy ban nhân dân phường Mỹ Xuân, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giám sát, giáo dục Nguyễn Văn Đ trong thời giam thử thách. Trong trường hợp Nguyễn Văn Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm **Ng** vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Đã xong.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Nguyễn Thanh H và Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn).

Trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã P;
- Công an thị xã P;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Phòng PV06 công an tỉnh BR-VT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thu Hiền